

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2995 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 9 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau sạch  
tại HTX Ngũ Phúc, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 4759/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí năm 2021 cho Chi cục Phát triển nông thôn Thanh Hóa thực hiện Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025; số 447/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 4759/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 161/TTr-SNN&PTNT ngày 29/8/2022 (kèm theo Công văn số 3452/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 24/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Tờ trình số 458/TTr-CCPTNT ngày 08/8/2022 của Chi cục Phát triển nông thôn).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau sạch tại HTX Ngũ Phúc, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, với những nội dung chính sau:

**1. Tên công trình:** Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau sạch tại HTX Ngũ Phúc, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.

**2. Tên chủ đầu tư:** Chi cục Phát triển nông thôn.

**3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư xây dựng Thanh Hóa.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng nhà màng có ứng dụng công nghệ kiểm soát khí hậu và công nghệ tưới, cung cấp chất dinh dưỡng tự động để trồng rau sạch với sản phẩm là các loại rau sạch chất lượng cao đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **5. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu**

#### *5.1. Nội dung đầu tư:*

Xây dựng nhà màng có ứng dụng công nghệ kiểm soát khí hậu và công nghệ tưới với 2 khu có tổng diện tích xây dựng khoảng 2.000 m<sup>2</sup>.

#### *5.2. Các thông số và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:*

a) Thông số kỹ thuật nhà màng 1:

Kích thước toàn nhà (BxL) = (34,5x32) m, chiều cao đỉnh cột 2,9 m, chiều cao vòm 2,3 m, tổng chiều cao nhà 5,2 m.

b) Thông số kỹ thuật nhà màng 2:

Kích thước toàn nhà (BxL) = (30x28) m, chiều cao đỉnh cột 2,9 m, chiều cao vòm 2,3 m, tổng chiều cao nhà 5,2 m.

c) Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

- Nhà màng bằng khung thép mạ kẽm, móng trụ bằng bê tông thường M200; hệ thống trụ cột chính đỡ khung mái bằng thép (75x75x3) mm; khung giằng mái bằng thép (32x3) mm; khung mái vòm chính bằng thép (32x3) mm; hệ thanh chống khung vòm bằng thép (40x40x3) mm và thép (25x25x1,4) mm; cửa lùa bằng khung thép (40x40x3) mm. Xung quanh nhà được bao che bằng lưới chống côn trùng, phía trên lợp nylon, độ dày 1,5 micromet. Thoát nước mái dùng hệ thống máng tôn thoát ra hai bên đầu hồi của nhà.

- Bể chứa nước: Kích thước toàn bể (BxLxH) = (2,5x1,5x1,5) m, đáy bể bằng bê tông cốt thép (BTCT) M200, tường bể bằng gạch xây M75, mặt trong và ngoài trát vữa xi măng M75, nắp bể bằng tấm đan BTCT M200.

- Điện, nước: Điện sử dụng từ nguồn điện lưới của khu vực; nước được bơm từ giếng khoan trữ vào bể chứa.

**6. Địa điểm xây dựng:** Xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.

**7. Diện tích sử dụng đất:** Khoảng 2.000 m<sup>2</sup>.

**8. Loại, cấp công trình:** Công trình phục vụ nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

**9. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình:** 815.760.000 đồng (*Tám trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

*Trong đó:*

Chi phí xây dựng	687.480.000 đồng;
Chi phí quản lý dự án	16.617.000 đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	72.635.000 đồng;
Chi phí khác	182.000 đồng;
Chi phí dự phòng	38.846.000 đồng.

*(Chi tiết có phục lục kèm theo)*

**10. Nguồn vốn:** Từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ (*kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2021 theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh được chuyển nguồn sang năm 2022*) và nguồn vốn đối ứng của HTX.

**11. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

**12. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2022.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ****Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau sạch tại HTX Ngũ Phúc, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Đồng.*

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Tỷ lệ	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>Gxd</b>			Theo tổng hợp dự toán hạng mục	<b>636.555.531</b>	<b>50.924.442</b>	<b>687.480.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>Gqlda</b>	3,263 %	0,8	tỷ lệ *hệ số*Gxd t thuế	<b>16.616.646</b>		<b>16.617.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>Gtv</b>			Gtv1 : Gtv6	<b>67.254.197</b>	<b>5.380.336</b>	<b>72.635.000</b>
1	Chi phí khảo sát; lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1			HĐ số 08/2022/HĐ-TVXD ngày 25/7/2022	41.661.111	3.332.889	44.994.000
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv2			HĐ số 06/2022/HĐ-TVTr ngày 10/8/2022	3.044.444	243.556	3.288.000
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv3	0,361 %		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.297.965	183.837	2.482.000
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv6	2,598 %		Gxd trước thuế x tỷ lệ	16.537.713	1.323.017	17.861.000
5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Gtv4	0,050 %		Gxd trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000
6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtv5	0,050 %		Gxd trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000
7	Chi phí thẩm định giá				HĐ số 268/2022/HĐ-TĐG/TL ngày 13/8/2022	1.712.963	137.037	1.850.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Gk</b>			<b>Gk1 : Gk4</b>	<b>182.000</b>		<b>182.000</b>
	Phí thẩm định báo cáo KTKT	Gk2	0,019 %		TMĐT* tỷ lệ	182.000		182.000
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Gdp</b>	5 %		<b>5%*(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế</b>			<b>38.846.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG (Làm tròn)</b>	<b>TMĐT</b>						<b>815.760.000</b>